

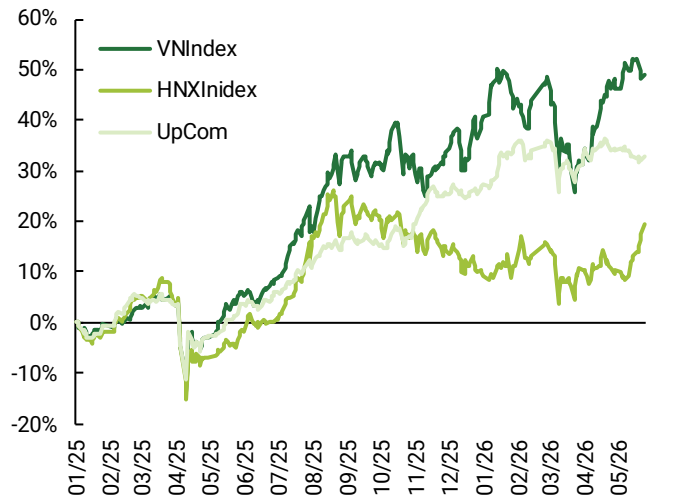
VN-Index **1886.03 (0.47%)**
 746 Tr. cổ phiếu 19020.8 Tỷ VND (-15.07%)

HNX-Index **271.8 (1.60%)**
 53 Tr. cổ phiếu 974.5 Tỷ VND (-27.53%)

UPCOM-Index **126.11 (0.37%)**
 29 Tr. cổ phiếu 387.4 Tỷ VND (-47.94%)

VN30F1M **2022.40 (0.62%)**
 166,117 HD OI: 33,498 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1886.0, tăng +8.9 điểm (+0.47%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nỗ lực phục hồi ở mặt bằng cổ phiếu chưa thành công với sắc đỏ vẫn chiếm ưu thế. Dù chứng khoán toàn cầu giao dịch khởi sắc khi các nhà đầu tư lạc quan về một thỏa thuận giữa Mỹ và Iran có thể mở lại eo biển Hormuz, tâm lý giao dịch của NĐT trong nước vẫn khá thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: KDH (+3.1%), VHM (+3.2%), VRE (+3.5%) | Ngân hàng: HDB (+2.1%), SSB (+3.0%), ACB (+3.1%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (+1.7%), PAN (+2.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+2.0%), GEX (+3.8%). Diễn biến yếu: Dầu khí: PLX (-5.4%), BSR (-5.1%), PVD (-4.9%) | Hóa chất: DCM (-3.0%), GVR (-2.8%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-3.4%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-5.1%), CRC (-2.2%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VIC, VPL, ACB, HDB - Chiều giảm | BSR, GAS, GVR, PLX, FPT
 Khối ngoại: Bán ròng gần 2000 tỷ, tập trung nhiều ở MSB, HPG, ACB, trong khi mua ròng MSN, HDB, VIC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** thu hẹp biên độ dao động và đóng cửa với nền xanh thân nhỏ. Thanh khoản cũng giảm về mức thấp hàm ý dòng tiền vẫn mang tính phòng thủ. Về kỹ thuật, các chỉ báo động lượng chưa ghi nhận sự cải thiện rõ ràng. Tuy nhiên, RSI đã giảm về gần ngưỡng trung bình 50, đây thường là vùng để tái cân bằng. Lực cầu có khả năng hấp thụ cung bán tại hỗ trợ, nên vận động sẽ tiếp tục nghiêng về rung lắc kiểm định thêm vùng 1850 - 1880 điểm. Ở kịch bản thận trọng hơn, nếu chỉ số đánh mất ngưỡng 1845 điểm sẽ gia tăng khả năng tìm về vùng tâm lý 1800 điểm. Ở chiều hướng tích cực, đà tăng được xác nhận khi chỉ số quay lại vận động trên ngưỡng 1910 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số bút phá thành công kháng cự 270 điểm nhưng thanh khoản chưa đồng thuận. Vận động có khả năng hạ nhiệt củng cố lại vùng 265 - 270.
- **Chiến lược:** Nhịp hồi nghiêng về cơ cấu danh mục. Nên tận dụng để hạ tỷ trọng đối với những mã đã vi phạm xu hướng hoặc suy yếu khỏi vùng hỗ trợ quan trọng, đồng thời hạn chế tâm lý mua đuổi khi tín hiệu phục hồi chưa đủ độ tin cậy. Danh mục tổng thể nên duy trì ở mức trung bình thấp và tiếp tục theo dõi thêm diễn biến thị trường.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VPL (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,886.0	0.5%	-2.2%	1.8%	19,020.8	-15.1%	-28.8%	-1.8%	746.4	-16.8%	-9.2%	10.7%
HNX-Index	271.8	1.6%	4.8%	7.9%	974.5	-27.5%	-49.9%	-23.9%	52.9	-37.1%	-46.3%	-29.1%
UPCOM-Index	126.1	0.4%	0.2%	-1.1%	387.4	-47.9%	-64.1%	-37.3%	29.2	-45.5%	-49.1%	-38.5%
VN30	2,021.7	0.5%	-1.2%	0.5%	11,166.4	0.7%	-30.4%	-2.4%	286.5	2.6%	-19.5%	-5.4%
VNMID	2,183.9	0.1%	-2.7%	-1.0%	6,735.4	-30.5%	-25.3%	2.3%	346.1	-30.4%	-9.3%	18.1%
VNSML	1,366.5	-0.3%	-1.9%	-3.0%	673.8	-24.6%	-31.2%	-26.4%	53.3	-9.1%	-18.5%	-17.2%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	652.7	0.7%	-1.35%	2.6%	6,596.0	-0.35%	-13.1%	26.0%	327.0	0.3%	0.9%	52.5%
Bất động sản	1,009.0	1.5%	-1.5%	4.5%	3,855.8	2.0%	-20.5%	-7.2%	81.5	-23.4%	-39.8%	-31.9%
Dịch vụ tài chính	314.7	0.1%	-0.4%	1.3%	1,550.5	-60.4%	-50.7%	-30.0%	74.4	-60.1%	-48.2%	-26.9%
Công nghiệp	285.8	1.2%	-4.4%	7.2%	889.3	-37.8%	-36.8%	-30.3%	27.9	-31.4%	-29.4%	-22.6%
Tài nguyên cơ bản	531.0	0.5%	0.3%	-2.7%	793.4	-12.1%	-16.1%	3.3%	37.5	-13.5%	-11.6%	13.5%
Xây dựng - Vật Liệu	172.1	-0.3%	-0.8%	-2.9%	680.5	-30.3%	-43.5%	-40.8%	37.4	-24.3%	-36.1%	-30.5%
Thực phẩm	491.4	0.3%	-8.3%	-27.9%	1,040.4	3.1%	-14.8%	0.8%	24.1	13.0%	-19.9%	1.9%
Bán Lẻ	1,450.9	-0.6%	-0.7%	-5.8%	445.2	-41.4%	-46.9%	-34.5%	5.9	-45.5%	-48.9%	-34.3%
Công nghệ	396.7	-2.0%	-1.8%	-0.1%	820.2	-16.7%	-30.3%	-3.0%	12.0	-12.7%	-27.1%	-5.6%
Hóa chất	181.8	-2.2%	-10.3%	1.4%	418.3	6.2%	-37.4%	-28.4%	12.4	7.9%	-32.1%	-23.3%
Tiện ích	762.3	-1.9%	-7.2%	3.0%	411.4	25.4%	-19.4%	-12.5%	15.9	38.3%	-9.3%	-16.4%
Dầu khí	111.9	-5.1%	-14.9%	8.2%	895.0	33.1%	-22.1%	8.9%	28.5	39.8%	-16.3%	10.5%
Dược phẩm	414.9	0.2%	-0.3%	0.3%	100.8	10.8%	48.1%	86.6%	8.3	191.4%	153.4%	241.8%
Bảo hiểm	109.0	-2.1%	-1.8%	-2.0%	31.7	-28.4%	-45.7%	-41.5%	0.7	-28.7%	-43.5%	-37.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,886.0	0.47%	5.7%	15.3x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,550	0.76%	23.1%	15.8x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,206	0.72%	-28.2%	14.5x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,680	-0.20%	3.1%	16.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,009	0.80%	-0.7%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,153	0.96%	4.6%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,606	0.00%	-0.1%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,158	2.87%	29.4%	23.4x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,473	0.37%	9.2%	27.4x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	50,580	0.58%	5.2%	25.9x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,466	-	5.4%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,105	1.42%	5.4%	17.2x	2.4x
DXY		99.0	-0.25%	0.7%		
USDVND		26,357	-0.03%	0.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

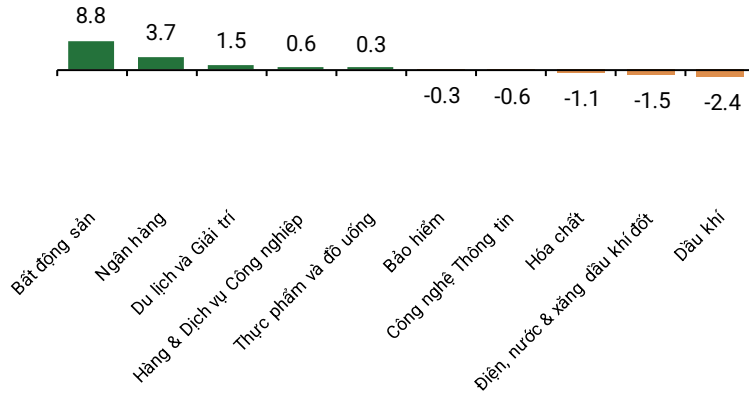
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-6.03%	-7.6%	59.9%	50.2%
Dầu WTI	▼	-6.12%	-3.9%	57.9%	47.4%
Khí gas	▼	-1.0%	14.1%	-21.9%	-13.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.4%	6.9%	17.6%
Thép HRC (*)	▲	1.3%	2.6%	5.7%	5.1%
PVC (*)	▬	0.6%	-5.7%	5.9%	-0.9%
Phân Urea (*)	▼	-1.8%	-13.9%	79.8%	91.5%
Cao su thiên nhiên	▬	0.6%	5.3%	24.0%	31.6%
Bông Cotton	▬	0.0%	0.5%	20.5%	17.1%
Đường	▬	0.0%	5.5%	-2.1%	-15.0%
World Container Index	▬	0.0%	21.5%	22.5%	19.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.4%	-22.3%	65.7%	127.1%
Vàng	▲	1.36%	-2.9%	5.8%	36.1%
Bạc	▲	3.44%	3.2%	9.0%	133.4%

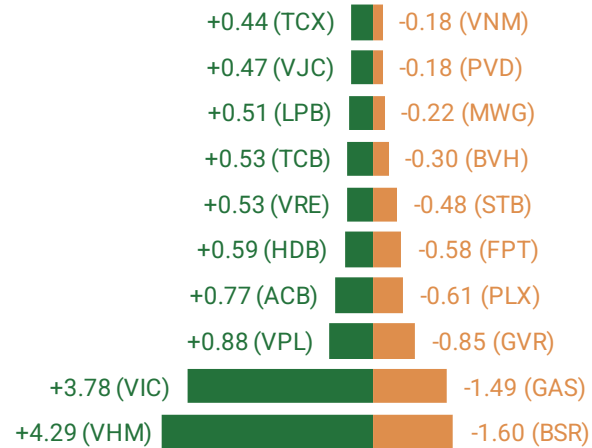
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

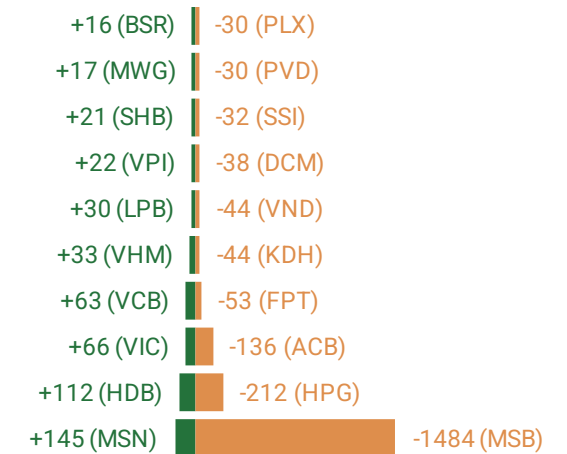
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



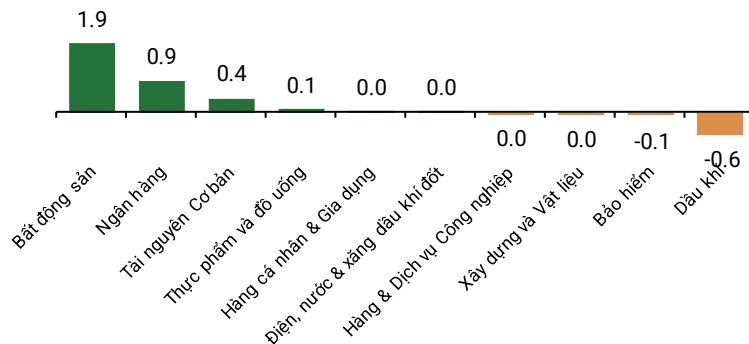
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



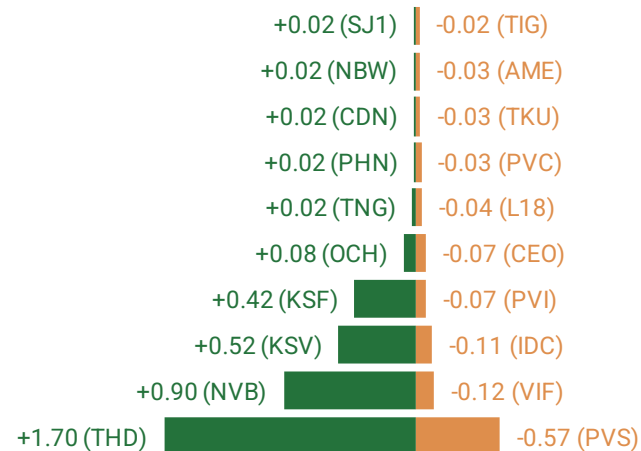
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



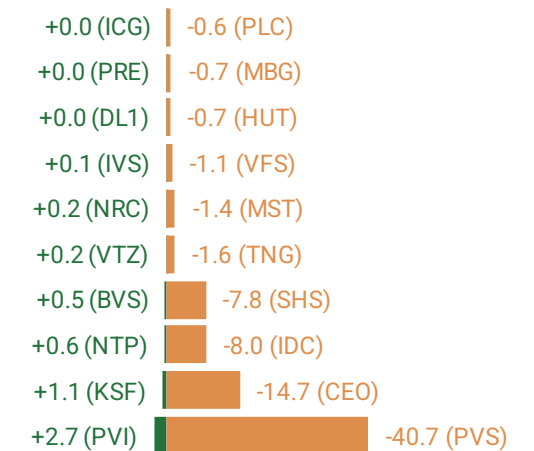
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



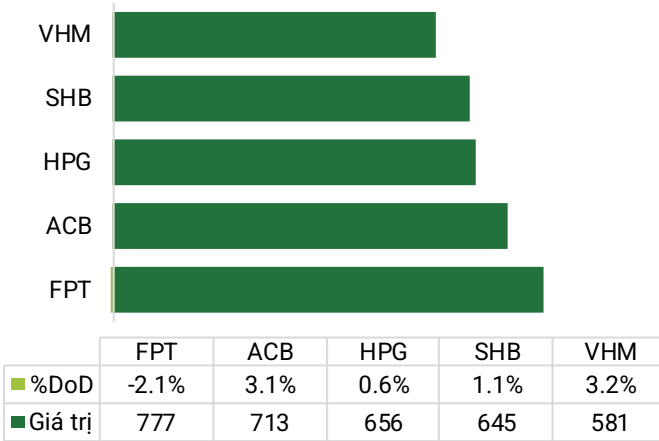
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



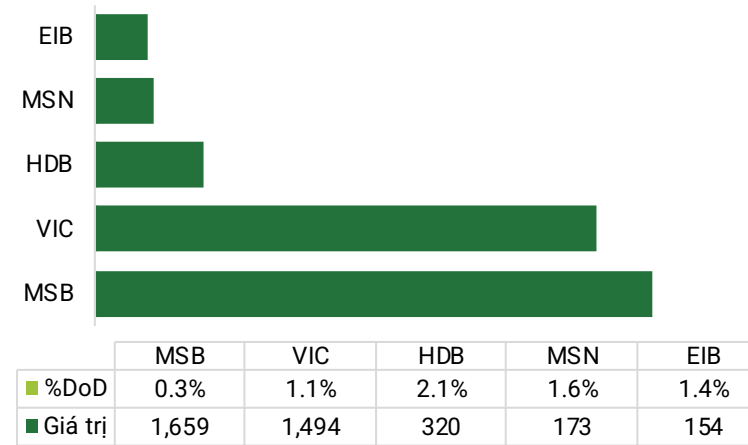
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



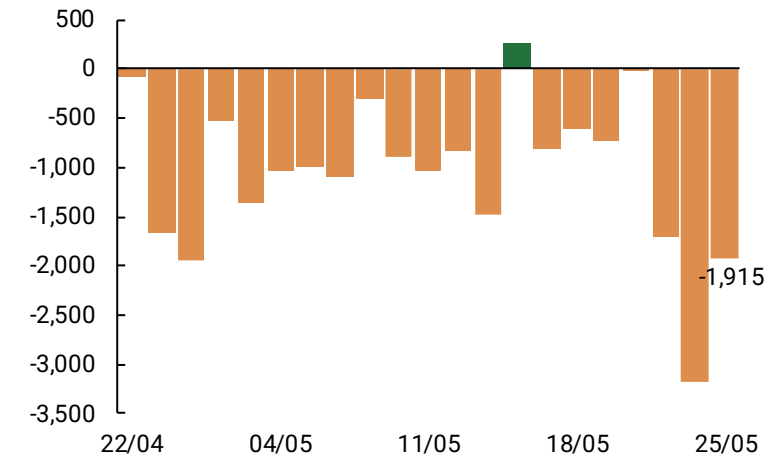
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



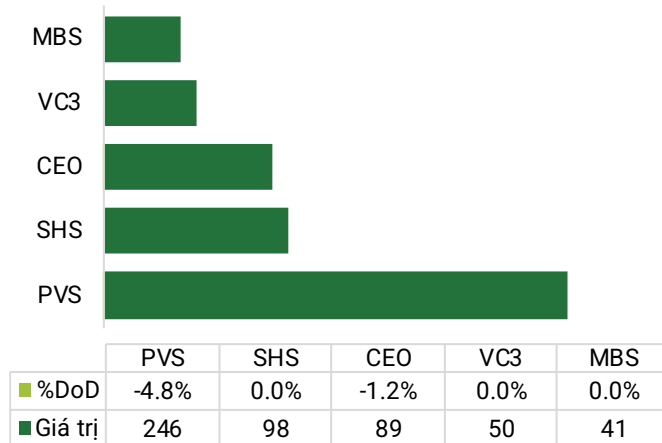
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



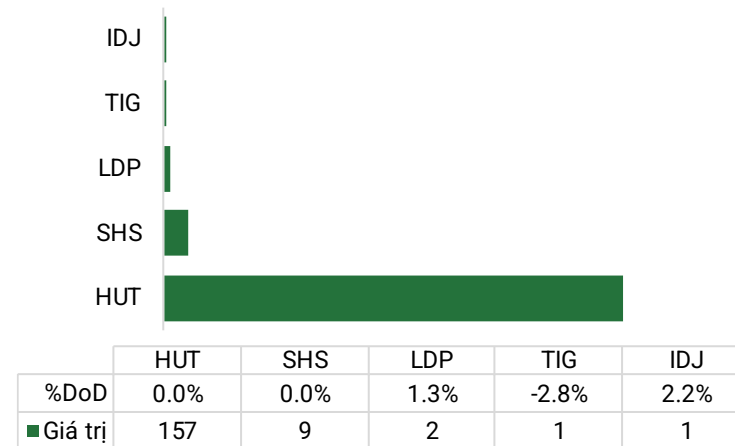
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



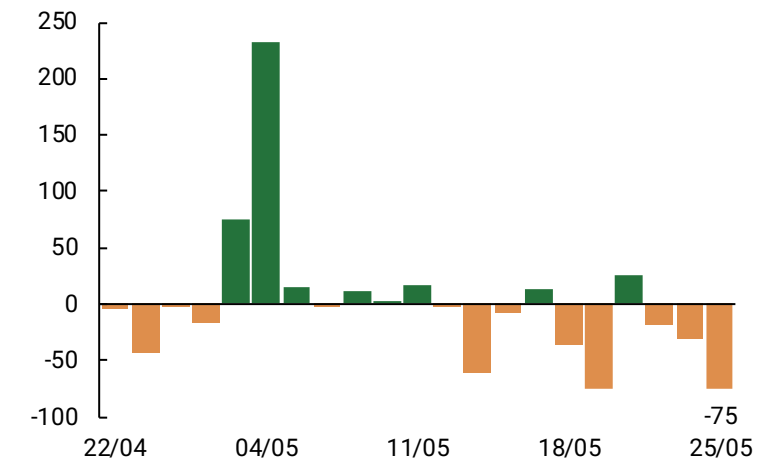
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1850.
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1950.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Chỉ số quay lại kiểm định vùng 1850 – 1880 phù hợp kỳ vọng. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì mức thấp sẽ củng cố cho trạng thái cân bằng sớm được xác lập. Ngưỡng duy trì động lượng quanh mốc 1845 điểm, nếu vận động lùi về dưới mức này sẽ gia tăng khả năng tiếp tục điều chỉnh về vùng tâm lý 1800 điểm. Ngược lại, đà tăng được xác nhận khi chỉ số quay lại trên ngưỡng 1910 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1970 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2070 | 2120.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vận động tiếp tục nghiêng về củng cố thêm vùng 2000 – 2050 điểm. Đà tăng được xác nhận khi VN30 bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 2060. Trái lại, áp lực điều chỉnh vẫn sẽ chi phối, với mục tiêu tiếp tục kiểm định khu vực tâm lý 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VPL	WATCH	Current price	95.70	P/E (x)	68.1
Exchange	HOSE		Watch zone	88 - 90	P/B (x)	4.5
Sector	Recreational Services		Target price	102	EPS	1404.9
			Cut loss price	83	ROE	6.9%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và duy trì trên miền dương, trong khi RSI cũng tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh trung hạn yếu dần và khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định vùng 88 - 90.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VPL	Theo dõi	26/05/2026	95.70	88 - 90	-	102	14.6%	83	-6.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.8	25.9 - 26.1	-4.6%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	PVI	Mua	18/05/2026	-	78.0	80 - 80.5	-2.8%	88	9.7%	75.5	-5.9%	
3	SHS	Mua	19/05/2026	-	17.7	17.7 - 17.9	-0.6%	19.5	9.6%	16.8	-5.6%	
4	SAB	Mua	22/05/2026	-	47.9	47.8 - 48.2	-0.2%	53	10.4%	45.5	-5.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2022.4, tăng 12.4 điểm (+0.6%). Giá khởi sắc đầu phiên nhưng áp lực điều chỉnh nhanh chóng trở lại chi phối khiến vận động gần như đi ngang sau đó.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI tăng về gần ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng phục hồi cải thiện, dù vậy, áp lực điều chỉnh ở xu hướng lớn vẫn hiện hữu. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2026, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục duy trì trên ngưỡng 2042. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2015.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1945.6, tăng 12.5 điểm (+0.7%). Độ lệch basis 4.8 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 80 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1940 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1955 điểm.

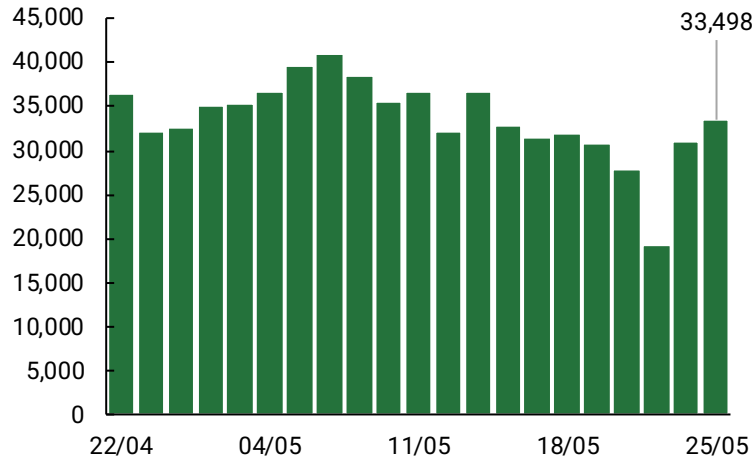
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2026	2038	2018	12 : 8
Long	> 2042	2058	2032	16 : 10
Short	< 2015	2004	2023	11 : 8

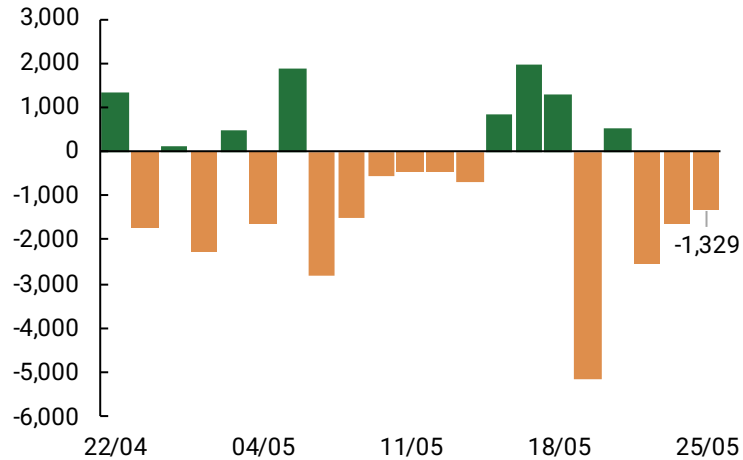
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,018.0	13.0	17	93	2,039.0	-21.0	17/12/2026	206
4111G9000	2,024.8	17.4	58	374	2,031.4	-6.6	17/09/2026	115
4111G7000	2,021.4	12.3	230	150	2,026.1	-4.7	16/07/2026	52
4111G6000	2,022.4	12.4	166,117	33,498	2,023.7	-1.3	18/06/2026	24
4112G6000	1,945.6	12.5	80	14	1,952.3	-6.7	18/06/2026	24

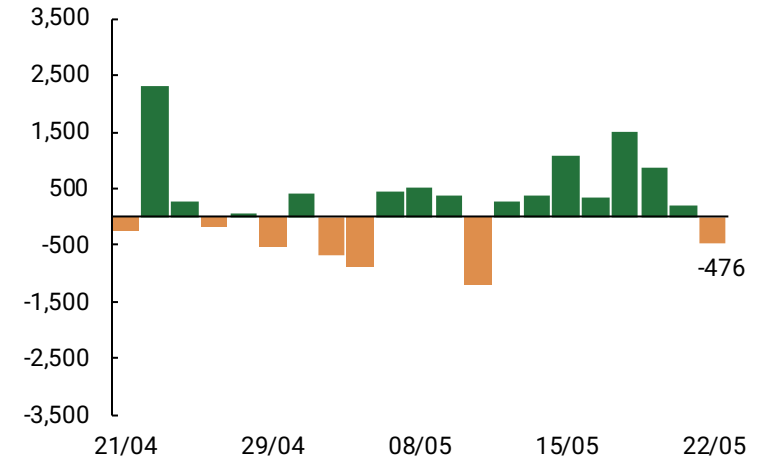
Khối lượng mở (Open interest)



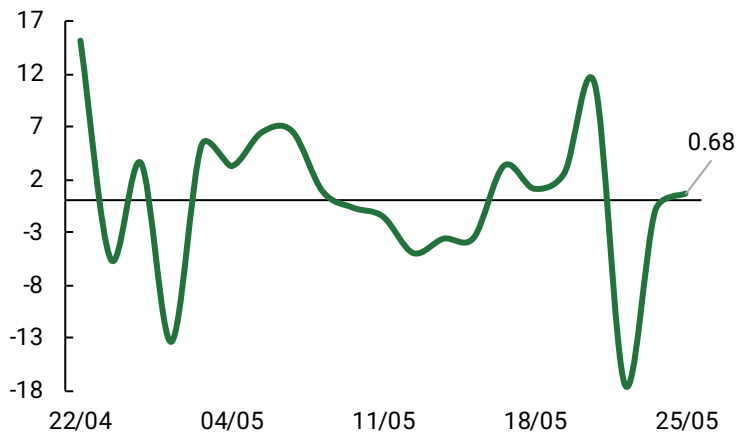
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



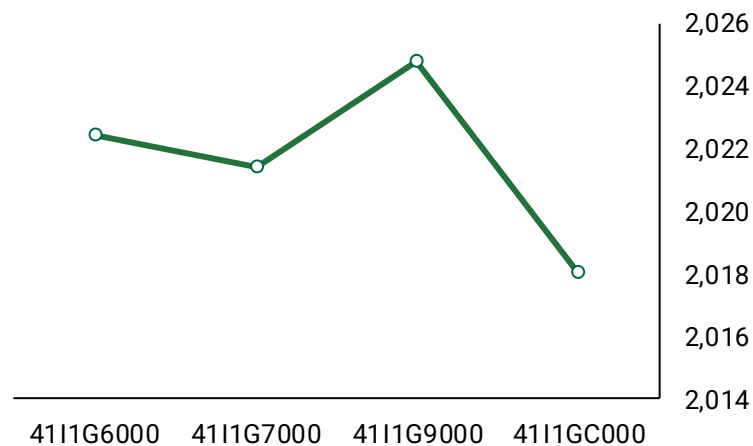
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



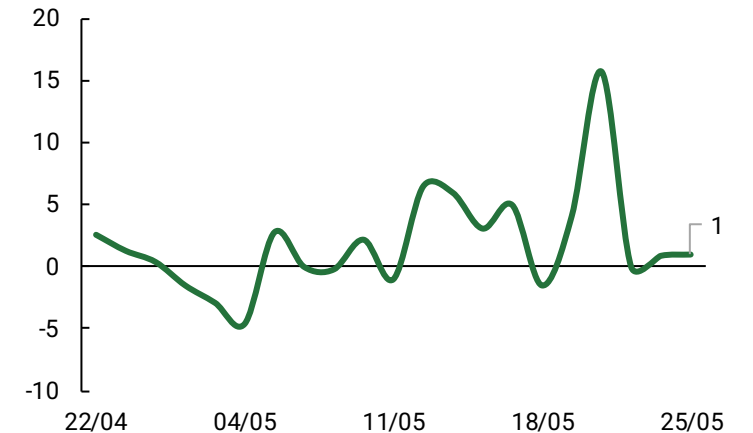
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,300	73,400	37.7%	Mua
CTG	34,800	45,200	29.9%	Mua
CTD	74,200	82,900	11.7%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,200	68,000	35.5%	Mua
DDV	26,277	35,900	36.6%	Mua
DGW	41,000	47,500	15.9%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,600	42,900	5.7%	Nắm giữ
DPR	41,300	46,500	12.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,921	17,200	23.6%	Mua
EVF	13,750	14,400	4.7%	Nắm giữ
FRT	130,100	157,600	21.1%	Mua
GMD	74,600	92,700	24.3%	Mua
HAH	54,400	60,300	10.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	23,350	34,000	45.6%	Mua
HHV	11,850	12,300	3.8%	Nắm giữ
HPG	24,100	30,700	27.4%	Mua
IMP	46,300	55,000	18.8%	Tăng tỷ trọng
KDH	22,900	38,800	69.4%	Mua
MCH	131,000	177,200	35.3%	Mua
MWG	78,700	115,600	46.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,800	34,000	37.1%	Mua
NLG	26,150	39,900	52.6%	Mua
NT2	22,900	27,700	21.0%	Mua
PHR	66,300	72,800	9.8%	Nắm giữ
PNJ	64,300	75,500	17.4%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	22,000	18,900	-14.1%	Bán
POW	13,650	15,000	9.9%	Nắm giữ
SAB	47,900	57,900	20.9%	Mua
SSI	27,450	32,100	16.9%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,100	50,900	3.7%	Nắm giữ
TCB	32,550	41,700	28.1%	Mua
TCM	21,350	35,300	65.3%	Mua
TRC	75,500	94,800	25.6%	Mua
VCB	63,700	84,200	32.2%	Mua
VPB	27,000	36,500	35.2%	Mua
VCG	20,900	26,200	25.4%	Mua
VHC	60,000	60,000	0.0%	Nắm giữ
VNM	59,100	66,650	12.8%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

[Text here]

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

[Text here]

- 05/05 Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Hợp quốc hội
- 06/05 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế Vĩ mô tháng 04/2025
Mỹ & Trung Quốc – Chỉ số PMI
- 08/05 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 10/05 Trung Quốc – Dữ liệu CPI, PPI, Xuất nhập khẩu tháng 04/2025
- 13/05 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4
- 14/05 Việt Nam – Công bố danh mục MSCI
- 15/05 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4
EU – Dữ liệu vĩ mô tháng 04/2025
- 16/05 Trung Quốc – Dữ liệu vĩ mô 04/2025
- 30/05 Việt Nam – Quỹ ETF liên quan MSCI cơ cấu danh mục
Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, Chỉ số Core PCE

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801